

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày 11/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tuấn và bà Hoàng Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/HSST, ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/HSST- QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ N**, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết G, sinh năm 1964 và bà Chu Thị T, sinh năm 1965; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Có chồng là Dương Đình T, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa pH - có mặt

Người bị hại: Chị Dương Thị H, sinh năm 1994 - có mặt

Nơi thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Dương Đình T, sinh năm 1990 - có mặt

Nơi thường trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1967 - vắng mặt

Nơi thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Dương Ngọc D, sinh năm 1987 - vắng mặt

Nơi thường trú: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11/12/2021, NGUYỄN THỊ N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20M4-3143 đi từ nhà đến làm việc tại KCN Diềm Thụy. Trên

đường đi, N đến cửa hàng tạp hóa của Chị Dương Thị H thuộc Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để mua hàng. Quá trình mua hàng tại đây, N nhìn thấy trong ngăn kéo bàn thu ngân ở gần cửa ra vào của cửa hàng có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Quan sát thấy chị H và bà T (là mẹ đẻ chị H) không để ý, N đã tiến lại gần vị trí chiếc điện thoại dùng tay lấy trộm điện thoại nêu trên cất vào túi quần phía sau đang mặc trên người rồi thanh toán tiền hàng, tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến công ty tại KCN Diêm Thụy, huyện P để làm việc.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi hết giờ làm, N đem chiếc điện thoại lấy trộm được của chị H đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Dương Ngọc D thuộc xóm Thuần Pháp, xã Đ, huyện P để nhờ phá mật khẩu nhằm mở điện thoại sử dụng nhưng anh Duy không phá được mật khẩu nên N đem điện thoại về nhà.

Cùng ngày, sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị H đã trình báo sự việc đề nghị Công an xã Đ giải quyết. Công an xã Đ đã tiến hành kiểm tra camera an ninh và xác định NGUYỄN THỊ N là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiến hành làm việc với NGUYỄN THỊ N. N đã khai nhận hành vi và nộp lại cho Công an chiếc điện thoại nêu trên. Công an xã Đ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng liên quan đến Công an huyện P để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 16/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định trưng cầu định giá đối với tài sản mà NGUYỄN THỊ N đã chiếm đoạt của chị H. Ngày 28/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đã tiến hành định giá và kết luận giá trị tài sản là 7.010.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng) .

Các đồ vật, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu C bên ngoài có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng loại 64GB và 01 chiếc ốp lưng điện thoại di động màu tím đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh phía trước gắn kính bằng nhựa trong suốt dây quai mũ hai bên màu đen đã qua sử dụng, 01 (một) áo khoác màu đen, viền cổ áo, cổ hai ống tay áo và gấu dưới của áo có 02 đường viền ngang màu trắng, áo cũ đã qua sử dụng, 01 (một) quần dài bằng vải màu đen đã qua sử dụng, 01 (một) đôi giày bằng vải màu đen, đế giày màu trắng đã qua sử dụng, tất cả được niêm phong trong hộp giấy catton dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐT;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen xám biển kiểm soát 20M4-3143, xe có đủ gương chiếu hậu cả hai bên, số khung: Y010287 số máy: HC12E-1518598, dung tích xi lanh 97, đăng ký lần đầu 19/9/2008, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sẫm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng, (xe không kèm theo chìa khóa).

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSPB, ngày 04/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo NGUYỄN THỊ N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa bị hại Chị Dương Thị H khai: Ngày 11/12/2021 tại cửa hàng bán tạp hóa của chị tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên chị bị mất 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng loại 64GB và 01 chiếc ốp lưng điện thoại di động màu tím, chị đã trình báo cơ quan công an. Sau phát hiện được NGUYỄN THỊ N là người đã lấy trộm điện thoại của chị. Đến nay chị đã nhận số tiền 18.000.000đ của bị cáo N bồi thường trị giá chiếc điện thoại và không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Dương Đình T xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 20M4-3143 là anh dùng tiền lương của mình mua cho vợ đi nên xin lại xe làm pH tiện đi lại trong gia đình.

Người làm chứng là bà Dương Thị Tiêm và anh Dương Ngọc Duy đều vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của hai người làm chứng, bị cáo và người bị hại nhất trí với nội dung làm chứng không có ý kiến gì thêm.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN THỊ N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo NGUYỄN THỊ N từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: NGUYỄN THỊ N đã tự nguyện bồi thường cho Chị Dương Thị H số tiền 18.000.000 đồng, chị H không yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự và chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phần thủ

tục bắt đầu phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng trong vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo NGUYỄN THỊ N khai nhận: khoảng 7 giờ sáng ngày 11/12/2021, tại cửa hàng tạp hóa của chị H thuộc khu vực Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng sơ hở của người bị hại, N đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X trị giá 7.010.000 đồng của chị H.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, thống nhất với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Như vậy ý thức, hành vi của của NGUYỄN THỊ N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa pH. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo NGUYỄN THỊ N là phụ nữ có thai (mang thai tháng thứ 8) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

{5}. Về hình phạt: Căn cứ vào tình chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì có cơ sở chấp nhận mức án hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa công khai.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội không có dự mưu từ trước, chưa được hưởng lợi và đã bồi thường cho người bị hại khoản tiền tương đương với giá trị của chiếc điện thoại mới, xét thấy nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận 18.000.000đ đồng tiền bồi thường điện thoại của bị cáo và không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra thu giữ: 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh phía trước gắn kính bằng nhựa trong suốt dây quai mũ hai bên màu đen đã qua sử dụng, 01 áo khoác màu đen, viền cổ áo, cổ hai ống tay áo và gấu dưới của áo có 02 đường viền ngang màu trắng, áo cũ đã qua sử dụng, 01 quần dài bằng vải màu đen đã qua sử dụng, 01 đôi giày bằng vải màu đen, đế giày màu trắng đã qua sử dụng, tất cả được niêm phong trong hộp giấy catton dán kín. Xét đây là quần áo của bị cáo N mặc khi thực hiện tội phạm, giá trị sử dụng không lớn cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng loại 64GB và 01 chiếc ốp lưng điện thoại di động màu tím đã qua sử dụng được niêm phong vào 01 bì thư ký hiệu C, xét đây là tài sản của Chị Dương Thị H mà bị cáo đã trộm cắp, xét bị cáo đã bồi thường trị giá điện thoại cho chị H là 18.000.000đ, chị không còn yêu cầu gì thêm nên tịch thu nộp ngân sách đối với điện thoại do N trộm cắp mà có.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen xám BKS 20M4-3143, xe có đủ gương chiếu hậu cả hai bên, số khung Y010287; số máy HC12E-1518598 xét tại phiên tòa chồng bị cáo là anh Dương Đình T xác định đây là tài sản của anh Thanh mua cho vợ và xin được nhận lại vì đây là pH tiện đi lại duy nhất của hai vợ chồng; Xét chiếc mô tô này là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của hai vợ chồng, tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Hội đồng xét đã làm rõ lời khai của bị cáo, bị cáo khai sáng ngày 11/12/2021 bị cáo sử dụng xe mục đích để đến nơi làm việc chứ không có mục đích đi trộm cắp tài sản do vậy có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của anh Thanh không tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với chiếc xe mô tô trên, đồng thời do bị cáo N còn phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước nên tạm giữ xe mô tô để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ pháp luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Điều 106, Điều 123, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 92, Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN THỊ N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt NGUYỄN THỊ N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 11 tháng 5 năm 2022). Giao bị cáo NGUYỄN THỊ N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là bị cáo NGUYỄN THỊ N) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo NGUYỄN THỊ N: Buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2022 cho đến khi bị cáo chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng loại 64GB và 01 chiếc ốp lưng điện thoại di động màu tím đã qua sử dụng được niêm phong vào 01 bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu C bên ngoài có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng loại 64GB và 01 chiếc ốp lưng điện thoại di động màu tím đã qua sử dụng

- Tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen xám biển kiểm soát 20M4-3143, xe có đủ gương chiếu hậu cả hai bên, số khung: Y010287 số máy: HC12E-1518598, dung tích xi lanh 97, đăng ký lần đầu 19/9/2008, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sẫm lốp bên ngoài, xe cũ đã qua sử dụng, (xe không kèm theo chìa khóa).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu vỏ ngoài bằng nhựa màu xanh phía trước gắn kính bằng nhựa trong suốt dây quai mũ hai bên màu đen đã qua sử dụng, 01 áo khoác màu đen, viền cổ áo, cổ hai ống tay áo và gấu dưới của áo có 02 đường viền ngang màu trắng, áo cũ đã qua sử dụng, 01 quần dài bằng vải màu đen đã qua sử dụng, 01 đôi giày bằng vải màu đen, đế giày màu trắng đã qua sử dụng, tất cả được niêm phong trong hộp giấy catton dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐT.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 08/4/2022 giữa Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên và Chi cục THA dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.)

4. Về án phí: buộc bị cáo phải nộp 200.000 đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Mây